TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 28 – 02 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truyện;

2. Ông Nguyễn Văn Lên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2024/TLST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 10/01/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Quốc A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị Kim T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông Đặng Quốc A có mặt; bà Đoàn Thị Kim T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2024 của nguyên đơn ông Đặng Quốc A và phần trình bày của ông A trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Ông Đặng Quốc A và bà Đoàn Thị Kim T là bạn bè, ngày 27/3/2024 ông A cho bà T vay số tiền 93.520.000 đồng, có ký giấy thoả thuận mượn tiền, hẹn thời hạn 01 tháng trả nợ nhưng đến nay bà T vẫn chưa thanh toán.

Về lãi: Khi cho vay các bên không thoả thuận lãi.

Theo đơn khởi kiện, ông A yêu cầu bà T thanh toán nợ gốc 93.520.000 đồng và nợ lãi theo lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày vay tiền (ngày 27/3/2024) tạm tính đến

ngày nộp đơn khởi kiện.

Nay ông A thay đổi một phần về lãi như sau: Yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 93.520.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 28/4/2024 tức là từ khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử, tiền lãi là 7.762.000 đồng.

Ông A không đồng ý cho bà T trả nợ hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng hoặc trả trong 04 kỳ.

Bị đơn bà Đoàn Thị Kim T vắng mặt tại phiên toà, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:

Ngày 27/3/2024 bà T có vay của Đặng Quốc A số tiền 93.520.000 đồng, có ký giấy thoả thuận mượn tiền, hẹn thời hạn 01 tháng trả nợ, khi vay không thoả thuận trả lãi.

Mục đích bà vay tiền để đưa cho bạn của bà. Nay bà đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cho ông A số tiền đã vay là 93.520.000 đồng. Về tiền lãi thì bà đang gặp khó khăn nên đề nghị không tính lãi.

Về phương án trả nợ, do điều kiện khó khăn nên bà T đề nghị trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ hoặc trả trong 04 kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đặng Quốc A khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị Kim T có địa chỉ cư trú tại xã B, thị xã K trả tiền nợ vay gốc và lãi. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

[2] Về tố tụng: Bà Đoàn Thị Kim T đã được cấp, tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện: Ông Đặng Quốc A yêu cầu bà Đoàn Thị Kim T thanh toán số tiền nợ vay gốc 93.520.000 đồng và nợ lãi chậm trả theo lãi suất 0,83%tháng kể từ ngày 28/4/2024 đến ngày xét xử 28/02/2025 là 7.762.000 đồng.

[3.2] Hội đồng xét xử xét về nợ vay gốc: Ông Đặng Quốc A và bà Đoàn Thị Kim T trình bày thống nhất về việc bà T có vay của ông A số tiền 93.520.000 đồng vào ngày 27/3/2024, hạn vay 01 tháng và có viết biên nhận nợ. Bà T thừa nhận chưa thanh toán cho ông A, nay đồng ý trả nợ.

Như vậy, căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 có cơ sở xác định giữa ông A và bà T có xác lập hợp đồng vay tài sản, số tiền là 93.520.000.000 đồng. Căn cứ

Điều 466 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, ông A khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ gốc là có căn cứ.

[3.3] Về lãi: Căn cứ giấy thoả thuận mượn tiền đề ngày 27/3/2024 và sự thừa nhận của ông A, bà T thì khoản vay trên không thoả thuận lãi. Như vậy căn cứ Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015 có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi.

Bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông A yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày vi phạm 28/4/2024 đến ngày xét xử 28/02/2025 theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 7.762.000 đồng là phù hợp Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.4] Về phương thức, thời hạn thanh toán: Bà T đề nghị được trả mỗi tháng 2.000.000 đồng hoặc trả trong 04 kỳ, tuy nhiên phía nguyên đơn ông A không đồng ý nên căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận theo đề nghị của bà T.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc A về việc yêu cầu bà Đoàn Thị Kim T có trách nhiệm trả nợ vay gốc là 93.520.000 đồng và nợ lãi là 7.762.000 đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà T có có trách nhiệm nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Đoàn Thị Kim T.

Buộc bà Đoàn Thị Kim T có trách nhiệm trả cho ông Đặng Quốc A số tiền nợ vay gốc là 93.520.000 đồng và tiền lãi là 7.762.000 đồng. Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 101.282.000 đồng (Một trăm linh một triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Kim T có nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm là 5.064.000 đồng. Ông Đặng Quốc A được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.462.800 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002696 ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đặng Quốc A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đoàn Thị Kim T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Thị Tuyết Nhung